

Số: ~~1551~~/QĐ-HĐXT

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **Phê duyệt danh sách trúng tuyển trình độ Tiến sĩ đợt 1 năm 2025**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH ĐỢT 1 NĂM 2025

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12/04/2021 của Chủ tịch Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết 191/NQ-HĐHV ngày 24/04/2025 của Chủ tịch Hội đồng Học viện về việc Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-HV ngày 22/04/2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-HV ngày 16/04/2025 về việc thành lập Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh đợt 1 năm 2025 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

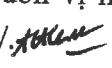
Căn cứ Biên bản họp ngày 05/08/2025 của Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh đợt 1 năm 2025;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay phê duyệt **Danh sách trúng tuyển trình độ Tiến sĩ Đợt 1 năm 2025** của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông gồm **28 nghiên cứu sinh** (Danh sách kèm theo). Trong đó:

- Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông:	01 NCS
- Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử:	02 NCS
- Chuyên ngành Kỹ thuật máy tính:	06 NCS
- Chuyên ngành Hệ thống thông tin:	09 NCS
- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh:	10 NCS

Điều 2: Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Tài chính kế toán, Giáo vụ, Trưởng Khoa Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và các ứng viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT, HĐXTNCS(6).


PHÓ GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH ĐỢT 1 NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1551/QĐ-HDXT** ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Học viện)

TT	Họ và đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Mã chuyên ngành	Kết quả xét tuyển			Ghi chú
							Điểm đánh giá hồ sơ	Điểm chấm BCĐH	Điểm trung bình (HS+ BC)	
1	Lê Tuấn	Anh	Nam	27/10/1999	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	78.0	79.0	78.5	
2	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	02/09/1984	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	78.2	80.0	79.1	
3	Hồ Đắc	Hung	Nam	17/09/1991	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	86.2	79.0	82.6	
4	Đỗ Thanh	Hường	Nữ	22/01/1999	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	70.6	74.0	72.3	Học BSKT
5	Bùi Văn	Kiên	Nam	24/04/1993	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	86.0	83.0	84.5	Học BSKT
6	Vũ Mai	Linh	Nữ	14/07/2001	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	60.2	72.0	66.1	Học BSKT
7	Ngô Văn	Quyển	Nam	24/04/1996	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	64.0	75.0	69.5	
8	Vũ Hoài	Thư	Nữ	02/08/1996	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	84.2	81.0	82.6	Học BSKT
9	Huỳnh Trung	Trụ	Nam	17/03/1989	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	80.4	79.0	79.7	
10	Vương Quang	Huy	Nam	26/10/1997	Kỹ thuật máy tính	9.48.01.06	81.0	88.0	84.5	Học BSKT
11	Nguyễn Chí	Thành	Nam	25/02/1982	Kỹ thuật máy tính	9.48.01.06	82.6	88.0	85.3	
12	Bùi Hoàng	Phương	Nam	21/11/1983	Kỹ thuật máy tính	9.48.01.06	78.0	88.0	83.0	
13	Nguyễn Hữu	Phương	Nam	30/10/1974	Kỹ thuật máy tính	9.48.01.06	67.0	86.0	76.5	Học BSKT
14	Nguyễn Đình	Quảng	Nam	10/10/1987	Kỹ thuật máy tính	9.48.01.06	88.0	88.0	88.0	Học BSKT
15	Đặng Đình	Quân	Nam	31/03/1990	Kỹ thuật máy tính	9.48.01.06	86.6	88.0	87.3	
16	Chu Văn	Cường	Nam	25/06/1998	Kỹ thuật điện tử	9.52.02.03	62.0	71.0	66.5	
17	Nguyễn Trọng	Huân	Nam	17/10/1986	Kỹ thuật điện tử	9.52.02.03	75.0	76.6	75.8	
18	Phạm Xuân	Minh	Nam	28/08/1987	Kỹ thuật viễn thông	9.52.02.08	77.4	76.8	77.1	
19	Nguyễn Thị Hoài	An	Nữ	05/11/1994	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	65.0	75.0	70.0	
20	Nguyễn Thị Thanh	Bình	Nữ	18/09/1984	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	65.0	70.0	67.5	
21	Lê Thị	Hằng	Nữ	30/03/1990	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	65.0	70.0	67.5	
22	Dương Thuý	Hằng	Nữ	23/11/1994	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	70.0	75.0	72.5	

TT	Họ và đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành trung tuyển	Mã chuyên ngành	Kết quả xét tuyển			Ghi chú
							Điểm đánh giá hồ sơ	Điểm chấm BCĐH	Điểm trung bình (HS+ BC)	
23	Nguyễn Thị Phương	Hào	Nữ	04/02/1994	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	67.0	70.0	68.5	
24	Trịnh Duy	Hưng	Nam	12/11/2000	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	66.0	75.0	70.5	
25	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	24/06/1977	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	50.0	50.0	50.0	
26	Trần Huyền	Trang	Nữ	19/10/1989	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	60.0	60.0	60.0	
27	Lê Thị Kim	Vân	Nữ	18/03/1982	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	63.0	50.0	56.5	
28	Lê Thế	Vinh	Nam	02/11/1977	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	68.0	70.0	69.0	

Danh sách gồm: 28 NCS

LẬP BIỂU



Đinh Thị Bích Hạnh

